

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 104/2018/TLST- HNGĐ, ngày 18 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị T – Sinh năm: 1996.

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Văn Y – Sinh năm: 1988.

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 147; 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và Điều 119 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, 19, 26 và Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 10 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn Chị Vi Thị T và Bị đơn anh Lê Văn Y.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về hôn nhân:** Chị Vi Thị T và anh Lê Văn Y đều có ý kiến chung và cùng thống nhất: Vợ chồng thống nhất thoả thuận tình ly hôn để giải thoát cho nhau.

*** Về con chung:** Chị Vi Thị T và anh Lê Văn Y đều có ý kiến chung và cùng thống nhất: Trong quá trình chung sống vợ chồng không ai có con riêng và có với nhau 01 con chung.

Cháu đầu tên là: Lê Ngọc Đ - Giới tính: Nữ - Sinh ngày: 21/12/2014. Cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Hiện nay cháu đang sống cùng chị T tại: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Chị Vi Thị T và anh Lê Văn Y đều có ý kiến chung, thống nhất là: Giao cháu Lê Ngọc Đ cho chị Vi Thị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Đ đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Anh Lê Văn Y có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng = 1.000.000 đồng/01 tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 15/10/2018.

Anh Lê Văn Y có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản anh thực hiện quyền này và anh có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con theo quy định.

*** Về tài sản và các nghĩa vụ chung:** Chị Vi Thị T và anh Lê Văn Y đều có ý kiến chung và cùng thống nhất: Vợ chồng không có tài sản và công nợ gì nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

*** Về án phí:** Chị Vi Thị T và anh Lê Văn Y đều có ý kiến chung và cùng thống nhất: Chị Vi Thị T phải chịu 150.000 đồng tiền án phí DS- HNGĐ sơ thẩm nhưng hiện tại chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí. Như vậy chị T được nhận lại số tiền 150.000 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001794, ngày 18 tháng 9 năm 2018.

Anh Lê Văn Y phải chịu 150.000 đồng tiền án phí DSST không giá ngạch và là người phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Công Tuấn

Nơi nhận:

- Những người tham gia hòa giải;
- Ghi cụ thể các đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 209 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.